

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 05 /QĐ-UBND

Long An, ngày 08 tháng 01 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 01/TTr-STNMT ngày 04/01/2016 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1500/STP-KSTTHC ngày 30/10/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo quyết định này 01 thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (kèm theo 16 trang phụ lục).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- CT.UBND tỉnh;
- Phòng KSTTHC - STP;
- Phòng NC-NC;
- Lưu: VT. Onh  
QĐ\_TTHC\_STNMT\_T1\_2016



**Đỗ Hữu Lâm**

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

<b>TT</b>	<b>Số hồ sơ</b>	<b>Tên thủ tục hành chính sửa đổi</b>	<b>Văn bản QPPL quy định</b>
1	T-LAN-280247-TT	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	Do thành lập Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường (Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Long An) theo quy định Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013

## PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

### ***1. Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền***

#### **- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định tại mục thành phần và số lượng bộ hồ sơ (do người sử dụng đất thực hiện).

Tổ chức (gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật về dân sự) nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: Sở Tài nguyên và Môi trường Long An (Địa chỉ: Số 137, Quốc lộ 1, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An; Điện thoại: 072 3524111);

Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện, UBND cấp xã nếu có nhu cầu.

+ Bước 2: Tiếp nhận và xử lý hồ sơ

\* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.

• Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết biên nhận hồ sơ trao cho người nộp hồ sơ, luân chuyển hồ sơ đến bộ phận thụ lý.

• Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 (ba) ngày, cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện chuyển hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp xã chuyển hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

\* Xử lý hồ sơ: Do Văn phòng đăng ký đất đai (Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện.

• Đối với tổ chức : Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ, thẩm tra thực địa, trích lục hoặc trích đo địa chính, trình Giám đốc Sở ký hồ sơ trình UBND tỉnh, luân chuyển hồ sơ khảo sát giá, thẩm định giá, luân chuyển

*hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính; thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận, trình ký giấy chứng nhận và trả kết quả cho Bộ phận một cửa (nơi tiếp nhận hồ sơ) để trả kết quả cho người sử dụng đất.*

*• Đối với hộ gia đình, cá nhân : Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm trích lục hoặc trích đo địa chính thửa đất, khu đất xin chuyển mục đích, luân chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường.*

*Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; xác minh thực địa, thẩm định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ; sau khi có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của UBND cấp huyện thì luân chuyển hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.*

*Trường hợp hộ gia đình, cá nhân xin chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 héc ta trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.*

*Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai: luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính; chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận hoặc trình cấp thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nếu có nhu cầu cấp mới), trả kết quả cho Bộ phận một cửa (nơi tiếp nhận hồ sơ) để trả kết quả cho người sử dụng đất; cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.*

**+ Bước 3: Trả giấy chứng nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:**

- Người nhận kết quả hồ sơ nộp lại biên nhận hồ sơ cho công chức trả kết quả.*
- Công chức trả kết quả kiểm tra chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, hướng dẫn người nhận kết quả hồ sơ nộp phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận theo quy định.*
- Công chức trả kết quả hồ sơ kiểm tra chứng từ nộp phí, lệ phí và yêu cầu người nhận kết quả hồ sơ ký vào Sổ giao nhận hồ sơ.*

**Ghi chú:** Người nhận kết quả hồ sơ phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu. Trường hợp người nhận kết quả hồ sơ không phải là người đại diện theo pháp luật thì phải có giấy giới thiệu hoặc giấy ủy quyền.

**\* Thời gian tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ:** Từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày lễ).

**+ Sáng:** Từ 7 giờ đến 11 giờ 30 phút;

**+ Chiều:** Từ 13 giờ 30 phút đến 17 giờ.

**- Cách thức thực hiện:**

Tổ chức (gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật về dân sự) nộp hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**a) Thành phần hồ sơ bao gồm:**

+ Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Văn bản thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước

+ Tờ khai tiền sử dụng đất, áp dụng cho trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất (Mẫu số 01/TSDĐ, 01 bản chính);

+ Tờ khai tiền thuê đất, áp dụng cho trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thuê quyền sử dụng đất (Mẫu số 01/TMĐN, 01 bản chính);

+ Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất (Mẫu số 01/LPTB, 01 bản chính).

Ghi chú: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thuộc trường hợp phải xin phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất cùng với hồ sơ đăng ký đổi tên người sử dụng đất.

**b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

**- Thời hạn giải quyết:**

Không quá mười lăm (15) ngày (không kể thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức (gồm cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội - nghề

nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật về dân sự); Hộ gia đình, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng đăng ký đất đai (Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai) trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

+ Cơ quan phối hợp: Cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Cơ quan tài chính, Cơ quan thuế, UBND cấp xã.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (trường hợp sử dụng đất dưới hình thức thuê đất của Nhà nước).

**- Phí, lệ phí:**

**+ Lệ phí:**

Đối với tổ chức:

Lệ phí chứng nhận biến động về đất đai. Mức phí: 30.000 đồng/1giấy.

Đối với hộ gia đình, cá nhân:

- Lệ phí chứng nhận đăng ký biến động về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường: 28.000 đồng/lần.
- Lệ phí địa chính đối với hộ gia đình, cá nhân tại các khu vực khác: bằng 50% các mức được áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường nội thành thuộc thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường.

**+ Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất. Mức phí:**

Đối với tổ chức:

- Diện tích dưới 10.000m<sup>2</sup>: 1.100.000 đồng/hồ sơ;
- Diện tích từ 10.000m<sup>2</sup> đến 100.000m<sup>2</sup>: 1.700.000 đồng/hồ sơ;
- Diện tích lớn hơn 100.000m<sup>2</sup>: 2.200.000 đồng/hồ sơ.

Đối với hộ gia đình, cá nhân:

Không thu phí.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất (Mẫu số 01) ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

+ Tờ khai lệ phí trước bạ nhà, đất (Mẫu số 01/LPTB) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

+ Tờ khai tiền sử dụng đất (Mẫu số 01/TSDĐ) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

+ Tờ khai tiền thuê đất (Mẫu số 01/TMDN) ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.**

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Đất đai ngày 29/11/2013.

+ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005.

+ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

+ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

+ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính.

+ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

+ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

+ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

+ Thông tư liên tịch số 30/2005/TTLT/BTC-BTNMT ngày 18/4/2005 của liên Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.

+ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh về mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Long An.

+ Quyết định số 21/2010/QĐ-UBND ngày 02/7/2010 của UBND tỉnh Long An về việc tổ chức làm việc ngày thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

+ Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 62/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ (%) trích để lại từ nguồn thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Long An.

---

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi.*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu số 01

Ban hành kèm theo  
Thông tư số 30/2014/TT-  
BTNMT ngày 02/6/2014  
của BTNMT

..., ngày..... tháng .....năm ....

**ĐƠN <sup>1</sup>....**

**Kính gửi:** Ủy ban nhân dân <sup>2</sup> .....

1. Người xin giao đất/cho thuê đất/cho phép chuyển mục đích sử dụng đất <sup>3</sup>

.....

2. Địa chỉ/trụ sở chính:.....

3. Địa chỉ liên hệ:.....

.....

4. Địa điểm khu đất:.....

5. Diện tích (m<sup>2</sup>):.....

6. Để sử dụng vào mục đích: <sup>4</sup>.....

7. Thời hạn sử dụng:.....

8. Cam kết sử dụng đất đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất (nếu có) đầy đủ, đúng hạn;

Các cam kết khác (nếu có).....

.....

**Người làm đơn**

(ký và ghi rõ họ tên)

1 Ghi rõ đơn xin giao đất hoặc xin thuê đất hoặc xin chuyển mục đích sử dụng đất

2 Ghi rõ tên UBND cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất

3 Ghi rõ họ, tên cá nhân xin sử dụng đất/cá nhân đại diện cho hộ gia đình/cá nhân đại diện cho tổ chức; ghi thông tin về cá nhân (số, ngày/tháng/năm, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu...); ghi thông tin về tổ chức (Quyết định thành lập cơ quan, tổ chức sự nghiệp/văn bản công nhận tổ chức tôn giáo/đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp/tổ chức kinh tế...)

4 Trường hợp đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư thì ghi rõ mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp văn bản chấp thuận đầu tư

HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TMDN

(Ban hành kèm theo  
Thông tư số  
156/2013/TT-BTC  
ngày 06/11/2013 của

**TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC**

[01] Kỳ tính thuế: Năm ....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Điện thoại:

[08] Fax:

[09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có) :

[11] Mã số thuế:

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện:

[14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại:

[16] Fax:

[17] Email: .

[18] Hợp đồng đại lý thuế, số:

ngày ..

**1. Văn bản của cấp có thẩm quyền về việc cho thuê đất, thuê mặt nước (hoặc chuyển từ giao đất sang cho thuê đất, gia hạn cho thuê đất, thuê mặt nước...):**

1.1. Quyết định số ..... ngày ..... tháng .... năm ..... của .....

1.2. Hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước số: ..... ngày ..... tháng ..... năm .....

**2. Đặc điểm đất/mặt nước thuê:**

2.1. Địa chỉ thửa đất/mặt nước thuê:

2.2. Vị trí thửa đất/mặt nước

2.3. Mục đích sử dụng:

2.4. Diện tích:

2.5. Thời điểm được thuê đất (theo ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền):.....

Ngày được bàn giao sử dụng: ..... (áp dụng trong trường hợp ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, mặt nước khác với ngày được bàn giao sử dụng)

**3. Diện tích đất, mặt nước phải nộp tiền thuê(m<sup>2</sup>) :**

3.1. Đất/mặt nước dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

3.2. Đất xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng để cho thuê:

3.3. Đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề:

3.4. Đất/ mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

3.5. Đất/mặt nước dùng vào mục đích khác

**4. Thời gian thuê :**

**5. Các khoản tiền được giảm trừ tiền thuê đất, mặt nước (nếu có):**

5.1. Số tiền thực tế bồi thường, hỗ trợ về đất: ..... đồng

5.2. Số tiền sử dụng đất đã nộp trước (nếu có): .....đồng

5.3. Đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất (lý do được miễn, giảm):

**6. Hình thức nộp tiền thuê đất:**

6.1. Nộp một lần cho cả thời gian thuê:

6.2. Nộp hàng năm:

**7. Hồ sơ, chứng từ kèm theo chứng minh đối tượng được trừ hoặc miễn, giảm tiền thuê đất (nếu bản sao thì phải có công chứng nhà nước):**

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

.....,Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc  
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Mẫu số:  
**01/TSDĐ**  
(Ban hành kèm theo  
Thông tư số  
156/2013/TT-BTC  
ngày  
6/11/2013 của Bộ

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

**1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDĐ):**

**1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDĐ:**

1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có):

Fax

email:

**1.3 Đại lý thuế (nếu có) :** .....

**1.4. Mã số thuế:** .....

1.5. Địa chỉ: .....

1.6. Quận/huyện: ..... Tỉnh/Thành phố: .....

1.7. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

1.8. Hợp đồng đại lý thuế số :.....ngày.....

**2. Giấy tờ về quyền SDĐ (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:**

**3. Đặc điểm thửa đất:**

**3.1. Địa chỉ thửa đất:**

Số nhà .... Ngõ (ngách, hẻm, ...) Đường phố .... phường (xã, thị trấn).....  
Quận (huyện)..... Tỉnh (Thành phố).....

3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:

3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:

3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất: ngày..... tháng.....năm.....

3.6. Nguồn gốc sử dụng đất:

4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m<sup>2</sup>):

4.1. Đất ở tại nông thôn:

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Ngoài hạn mức giao đất ở:

4.2. Đất ở tại đô thị:

a) Diện tích sử dụng riêng:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Diện tích sử dụng chung:

4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

5. Các khoản được giảm trừ tiền SDD hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất:

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bán sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...

---

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ  
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

...,Ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT**

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

Mẫu số:  
01/LPTB

(Ban hành kèm  
theo Thông tư số  
156/2013/TT-  
BTC ngày

06/11/2013 của  
R& Tài chính)

[04] Tên người nộp thuế: .....

[05] Mã số thuế: .....

[06] Địa chỉ: .....

[07] Quận/huyện: ..... [08] Tỉnh/Thành phố: .....

[09] Điện thoại: ..... [10] Fax: ..... [11] Email: .....

[12] Đại lý thuế (nếu có) : .....

[13] Mã số thuế: .....

[14] Địa chỉ: .....

[15] Quận/huyện: ..... [16] Tỉnh/Thành phố: .....

[17] Điện thoại: ..... [18] Fax: ..... [19] Email: .....

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:.....ngày .....

**ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**

**1. Đất:**

1.1 Địa chỉ thửa đất:

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất:

1.4. Diện tích (m<sup>2</sup>):

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày..... tháng..... năm.....



1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà:

Loại nhà:

2.2. Diện tích nhà (m<sup>2</sup> sàn xây dựng):

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, cho, tặng:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng):

4. Tài sản thuộc diện không phải nộp hoặc được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

-

-

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ  
THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))